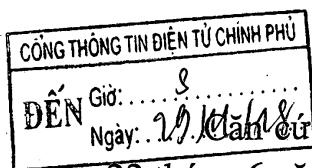


Số: 2533/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính Thông tư số 38/2018/TT-BGTVT
ngày 11/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Định mức kinh tế - kỹ thuật
ban hành kèm theo Thông tư số 76/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật
trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải



BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày
22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao
thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính lỗi kỹ thuật trình bày tại Thông tư số 38/2018/TT-BGTVT ngày 11/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 76/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải như sau:

Bảng mức 5 “Mức hao phí vật liệu, thời gian bảo trì bảo hiệu hàng hải” của Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, vận hành luồng hàng hải được ban hành kèm theo Thông tư 38/2018/TT-BGTVT ngày 11/6/2018, nay sửa thành như sau:

Bảng mức 5: Mức hao phí vật liệu, thời gian bảo trì bảo hiệu hàng hải

STT	Nội dung công việc	Hao phí vật liệu			Hao phí thời gian (giờ)
		Vật liệu	Đơn vị	Số lượng	
1	Thành phần công việc chung		chuyển		0,5
2	Bảo trì phần thân phao	Giẻ lau	kg	0,6	0,15
		Chất tẩy rửa	lít	0,1	
3	Bảo trì phần thân đăng tiêu				
3.1	Có chiều cao $H \leq 6,5m$	Giẻ lau	kg	0,5	0,15
		Chất tẩy rửa	lít	0,05	
3.2	Có chiều cao $6,5m < H \leq 18m$	Giẻ lau	kg	0,5	0,25
		Chất tẩy rửa	lít	0,05	
3.3	Có chiều cao $18m < H \leq 36m$	Giẻ lau	kg	0,5	0,35

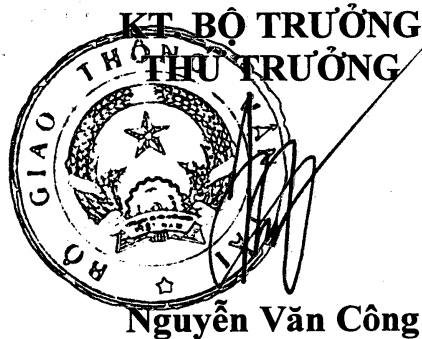
		Chất tẩy rửa	lít	0,05	
4	Bảo trì phần thiết bị báo hiệu lắp đặt trên phao; đăng tiêu				
4.1	Thiết bị đèn không tích hợp				
4.1.1	Đường kính thấu kính từ: 100mm < D ≤ 250mm (HD 155, VMS LED 132, VMSS. ML 200, RL 200...)	Giẻ lau	kg	0,2	0,18
		Nước rửa kính	ml	15	
		Keo silicon	hộp	0,05	
		Dầu RP7	ml	15	
		Giấy nhám mịn	tờ	0,5	
		Dung dịch điện phân	lít	0,2	
		Vật liệu khác	%	3	
4.1.2	Đường kính thấu kính từ: 250mm < D ≤ 450mm (ML 300, MB 300, HD 300, VMSS ML 400, WM 350, ...)	Giẻ lau	kg	0,2	0,35
		Nước rửa kính	ml	15	
		Keo silicon	hộp	0,06	
		Dầu RP7	ml	15	
		Giấy nhám mịn	tờ	0,5	
		Dung dịch điện phân	lít	0,2	
		Vật liệu khác	%	3	
4.2	Thiết bị đèn tích hợp				
4.2.1	Đường kính thấu kính từ: 100mm < D ≤ 250mm (NMA LED 132, ML 133, MS-L133 GSM, VMS 155, Led Camanad, AECS-NM3 Led Lanter ...)	Giẻ lau	kg	0,1	0,02
		Nước rửa kính	ml	5	
		Keo silicon	Hộp	0,03	
		Vật liệu khác	%	3	
5	Thời gian công nhân di chuyển trên luồng		chuyển		Xác định theo quãng đường di chuyển và vận tốc trung bình của phương tiện thủy.

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KCHT (Quân)

**KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Công